

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN LIÊN QUAN ĐẾN PHÂN LUỒNG VÀ LIÊN THÔNG TRONG HỆ THỐNG GIÁO DỤC

Trong hệ thống giáo dục, phân luồng học sinh (HS) được hiểu là việc tạo ra các con đường và định hướng cho HS sau khi tốt nghiệp một cấp, bậc học nào đó có thể lựa chọn con đường phù hợp để học tiếp hoặc vào đời tham gia lao động. Phân luồng là việc quy hoạch phát triển giáo dục theo các hướng khác nhau của toàn hệ thống giáo dục sau cấp học phổ cập bắt buộc để định hướng cho việc phát triển nhân lực quốc gia.

Với khái niệm như trên, phân luồng trong hệ thống giáo dục là một vấn đề có ý nghĩa hết sức quan trọng không những đối với sự nghiệp của mỗi con người, mà còn đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển nguồn nhân lực cũng như sự phát triển kinh tế - xã hội (KT - XH) của mỗi quốc gia. Phân luồng là hình thức phân hoá ở đó mục tiêu và chương trình giáo dục của mỗi loại hình trường/lớp phải phù hợp với yêu cầu, cơ cấu về lực lượng lao động xã hội, nhằm đáp ứng chiến lược phát triển cân đối và bền vững của mỗi quốc gia, trên cơ sở đó định hướng cho sự phát triển giáo dục các ngành, các cấp học.

Trên bình diện một cá thể, hàng chục triệu học sinh không ai giống ai, mỗi em có những thiên hướng, năng lực, sở trường, nguyện vọng và hoàn cảnh khác nhau. Phân luồng nhằm tạo điều kiện thuận lợi để mỗi học sinh đều có cơ hội để lựa chọn cho mình được con đường nghề nghiệp phù hợp để phát triển được năng lực, sở trường, nguyện vọng của mình và thích hợp với hoàn cảnh cụ thể của cá nhân cũng như phù hợp với nhu cầu của đất nước, để có thể phát triển tới đỉnh cao của nghề nghiệp và cống hiến được nhiều cho xã hội.

Trên bình diện quốc gia, phân luồng nhằm điều chỉnh sự phân bổ nguồn nhân lực của quốc gia cho phù hợp với yêu cầu của đất nước trong từng giai đoạn phát triển để sử dụng một cách có hiệu quả nhất nguồn nhân lực, vốn quý của đất nước.

Để phân luồng trong hệ thống giáo dục, việc đầu tiên là cần phải có chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia để làm định hướng cho việc phân luồng học sinh với cơ cấu các luồng hợp lý, phù hợp với nhu cầu nhân lực về cơ cấu ngành nghề và trình độ trong từng giai đoạn phát triển của đất nước. Nếu không có chiến lược này thì không có cơ sở thực tiễn để phân luồng hợp lý.

Cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân phải được thiết kế với các luồng cần thiết sau các cấp, bậc học để thực hiện việc phân luồng.

Cần thực hiện tốt việc hướng nghiệp cho học sinh phổ thông, đặc biệt là sau cấp phổ cập bắt buộc, giúp các em có thể lựa chọn được nghề phù hợp với cá nhân, cũng như với yêu cầu của xã hội để một mặt có thể phát triển cao độ được nhân cách của bản thân, đồng thời có thể cống hiến được nhiều cho xã hội.

Phân hoá là một hoạt động mà ở đó cần phải phân loại và chia tách các đối tượng, từ đó tổ chức, vận dụng nội dung, phương pháp và hình thức sao cho phù hợp với đối tượng ấy nhằm đạt hiệu quả cao.

Dạy học phân hoá là định hướng về nội dung và phương pháp dạy học, trong đó giáo viên (GV) tổ chức dạy học tùy theo đối tượng, nhằm bảo đảm yêu cầu giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm - sinh lý, nhịp độ, khả năng, nhu cầu và hứng thú khác nhau của những người học; trên cơ sở đó phát triển tối đa tiềm năng vốn có của mỗi học sinh.

Dạy học phân hóa có các dạng sau:

Phân hoá trong (còn gọi là phân hoá vi mô) là với mỗi chương trình học, cách dạy học chú ý tới các đối tượng riêng biệt, cá nhân hoá người học trên lớp, phù hợp với từng đối tượng để tăng hiệu quả dạy học, kết quả phân hoá trong phụ thuộc chủ yếu vào năng lực người dạy.

Phân hoá ngoài (còn gọi là phân hoá vĩ mô) là cách dạy theo các chương trình khác nhau cho các nhóm người học khác nhau nhằm đáp ứng được nhu cầu, sở thích và năng lực của từng nhóm người học. Kết quả phân hoá ngoài phụ thuộc chủ yếu vào việc thiết kế nội dung chương trình các môn học. Do đặc điểm của đối tượng người học, mỗi học sinh là một cá nhân có tiềm năng riêng, có trí thông minh, tình cảm và động lực học tập khác nhau. Mục tiêu của nhà trường là trang bị cho học sinh nền học vấn phổ thông, đồng thời có nhiệm vụ giúp mỗi HS phát triển tối đa năng lực cá nhân của mình. Vì vậy, dạy học phân hoá tốt sẽ đáp ứng và phát huy được nguyện vọng, sở trường và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của các cá nhân khác nhau. Ngoài ra, do yêu cầu phát triển khoa học và đòi hỏi của thị trường lao động buộc nhà trường phổ thông, nhất là bậc Trung học phổ thông (THPT) cần dạy học phân hoá để cung cấp cho giáo dục đại học (GDĐH), cao đẳng (CĐ) cũng như các trường nghề nguồn nhân lực đáp ứng

được yêu cầu chuyên sâu về một lĩnh vực khoa học hoặc ngành nghề chuyên biệt. Phân hoá là để đáp ứng yêu cầu phân công lao động trong xã hội.

Có hai hình thức phân hoá chủ yếu là phân hoá lớp học theo nhóm (dạy học theo nhóm) và phân hoá đến cá nhân (cá nhân hoá trong dạy học).

Phân hoá theo nhóm là chia lớp học thành các nhóm có năng lực tương đương để dạy học theo nhịp độ học tập của từng nhóm.

Mức độ cao của phân hoá là cá nhân hoá trong dạy học. Với cá nhân hoá trong dạy học, mỗi HS được học với những nội dung và nhịp độ khác nhau. Ngày nay, trong phương pháp dạy học theo năng lực, thường áp dụng cá nhân hoá trong dạy học. Mỗi HS được giao một nhiệm vụ, em nào hoàn thành trước sẽ chuyển sang học nhiệm vụ khác. Những em chưa hình thành được năng lực cần thiết vẫn phải tiếp tục học cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ được giao. Như vậy, mỗi học sinh sẽ phát huy được tính tích cực, chủ động và năng lực sáng tạo của mình trong học tập.

Theo Giáo sư Horace H.S. của Đại học Hồng Kông thì giáo dục cá nhân hoá (Personalized education - PE) là một môi trường học tập mở có các công cụ hỗ trợ để kích thích, nuôi dưỡng, trợ giúp và củng cố việc dạy và học. Môi trường này sử dụng công nghệ tiên tiến để tạo ra sự thay đổi về phương thức về hình thức dạy và học linh hoạt. Theo Hiệp hội quốc tế về các lựa chọn giáo dục thay thế (International Association for Learning Alternatives), giáo dục cá nhân hoá dùng để chỉ việc cung cấp dịch vụ giáo dục phù hợp với các quan tâm và phong cách học tập của từng học sinh. Nó cũng có nghĩa là việc học do học sinh tự quản. GV có thể cá nhân hoá việc dạy học trong bối cảnh lớp học. học sinh được lựa chọn chủ đề hay học theo cách tiếp cận học theo vấn đề.

Đối với khái niệm phân ban, phân ban được hiểu là việc phân chia luồng giáo dục phổ thông (GDPT) thành từng luồng nhỏ được gọi là ban. Mỗi ban có định hướng riêng theo các lĩnh vực chuyên môn khác nhau như ban tự nhiên, ban xã hội và nhân văn, ban kỹ thuật (KT), ban nghệ thuật..., học sinh có thể chọn ban phù hợp với năng lực, sở trường và nguyện vọng của mình để học. Như vậy phân ban chỉ được thực hiện ở GDPT và ban được hiểu là một luồng nhỏ (tiểu luồng) trong hệ thống giáo dục quốc dân. Trong giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và GDDH không có phân ban mà là phân ngành, chuyên ngành hoặc nghề đào tạo.

Dưới góc độ vĩ mô về phát triển nguồn nhân lực, phân ban nhằm mục đích chuẩn bị và định hướng cho học sinh phổ thông hướng tới những ngành nghề tương lai với tỷ lệ cần thiết phù hợp với yêu cầu đào tạo một đội ngũ nhân lực KT đồng bộ về cơ cấu ngành nghề và trình độ phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá (CNH), hiện đại hoá (HĐH) đất nước.

Dưới góc độ cá nhân người học, phân ban nhằm mục đích tạo thuận lợi cho mỗi học sinh đều có cơ hội để phát triển tối đa được năng lực của mình và chuẩn bị cho việc học lên theo ngành, nghề phù hợp với năng lực, sở trường của mình và có thể phát triển tới đỉnh cao nghề nghiệp.

Dưới góc độ dạy học, trên cơ sở có được những học sinh có năng lực và hứng thú với ban đã được chọn, phân ban sẽ góp phần nâng cao được chất lượng và hiệu quả dạy học.

Các hình thức phân ban. Hiện nay trên thế giới có nhiều hình thức phân ban và có các ban khác nhau như sau:

Hình thức phân ban cứng: Với hình thức này, mỗi ban có chương trình giáo dục riêng và mỗi học sinh khi đã đăng ký và được tuyển lựa và học theo một ban nào đó thì phải học tất cả các nội dung chương trình của ban đó cho đến hết cấp.

Hình thức phân ban mềm: Với hình thức này, chương trình giáo dục có loại nội dung: Nội dung bắt buộc bao gồm những môn học/học phần mà tất cả mọi học sinh của ban đều phải học nhằm bảo đảm kiến thức chung; Nội dung tự chọn bắt buộc, đó là những môn học/học phần mà mỗi học sinh bắt buộc phải lựa chọn trong một số môn học/học phần được quy định, miễn là đủ số giờ/học trình quy định của từng ban; Nội dung tự chọn không bắt buộc là những nội dung mà học sinh có thể chọn để học hoặc không. Như vậy, những nội dung tự chọn bắt buộc và tự chọn không bắt buộc nhằm mục đích phân ban linh hoạt, không cứng nhắc. Hình thức phân ban mềm linh hoạt hơn và phù hợp với người học hơn. Tuy nhiên, việc tổ chức dạy học lại khó khăn hơn.

Khái niệm liên thông được hiểu là sự *giao thoa* xen lẫn vào nhau hoặc tiếp nối từ cái nọ sang cái kia và giữa chúng có mối quan hệ ràng buộc nhất định.

Liên thông trong giáo dục được hiểu là sự *giao thoa* xen lẫn vào nhau hoặc nối tiếp giữa các cấp học, trình độ đào tạo. Trong giáo dục có nhiều loại hình liên thông khác nhau từ vi mô đến vĩ mô như: liên thông giữa các môn học, liên

thông giữa các trình độ đào tạo, liên thông giữa các ngành nghề đào tạo, liên thông giữa GDPT và GDNN.

Liên thông giữa các môn học

Khái niệm liên thông giữa các môn học được hiểu là sự tạo thành những đơn vị kiến thức, những học phần tương đồng giữa các môn học và kết nối, gắn chúng vào với nhau để tạo thành những phần chung (liên thông) của các môn học.

Hiện nay ở nhiều nước trên thế giới, các cơ sở giáo dục được quyền tự chủ xây dựng nội dung chương trình giáo dục. Do vậy, khi học sinh muốn chuyển đổi từ trường này sang trường khác, cần có sự so sánh các môn học của các trường với nhau. Nếu các môn học này của 2 trường được thiết kế tương đồng thì có nghĩa là các môn học đó của 2 trường đã liên thông với nhau và khi chuyển trường, học sinh không phải học lại những môn mình đã học ở trường cũ.

Trong đào tạo, để chuyển tiếp học lên trình độ cao hơn, nếu chương trình của một số môn học nào đó của chương trình đào tạo trình độ cao hơn được thiết kế tiếp nối các môn học của chương trình đào tạo trình độ thấp hơn, có nghĩa là các môn học đó đã liên thông với nhau thì học sinh sẽ không phải học lại từ đầu những môn học đó mà chỉ học tiếp những học phần chưa được học.

Trường hợp muốn chuyển đổi ngành, nghề đào tạo cũng vậy, nếu một số môn học của chương trình đào tạo các ngành, nghề khác nhau được thiết kế liên thông thì học sinh /sinh viên (SV) khi chuyển đổi ngành, nghề đào tạo sẽ không phải học lại những nội dung đã học.

Liên thông giữa các môn học là tiền đề quan trọng cho việc thực hiện các liên thông khác như liên thông dọc hoặc liên thông ngang, và sẽ là điều kiện tiên quyết để người học có thể cần gì học nấy, học suốt đời.

Khái niệm liên thông dọc được hiểu là liên thông giữa các trình độ đào tạo. Đó là sự tiếp nối của một chương trình đào tạo một ngành, nghề nào đó ở bậc học thấp hơn với chương trình đào tạo bậc cao hơn và người học khi chuyển tiếp sang học chương trình đào tạo trình độ cao hơn sẽ không phải học lại từ đầu những điều đã học.

Phạm vi áp dụng:

Liên thông giữa các trình độ đào tạo nghề. Ở nước ta đã hình thành đào tạo nghề 3 trình độ: sơ cấp, trung cấp và CĐ. Đào tạo nghề liên thông giữa 3 trình độ là yêu cầu cần thiết. Trước hết là để đảm bảo yêu cầu về chuẩn trình độ được đào tạo đáp ứng yêu cầu của sản xuất. Bên cạnh đó, để nâng cao tính kinh tế trong đào tạo và tạo thuận lợi cho người công nhân kỹ thuật (CNKT) có thể học suốt đời, không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp mà không phải học lại từ đầu những điều đã học. Do vậy, ở nhiều nước đã xuất hiện loại hình trường CĐ đào tạo liên thông từ sơ cấp, trung cấp đến CĐ như Cao đẳng Cộng đồng ở Hoa Kỳ, Canada, trường TAFE ở Úc, trường Politechnic ở Singapore, Indonesia...

Đào tạo liên thông giữa đào tạo nghề, trung cấp chuyên nghiệp (TCCN) và CĐ, đại học (ĐH) đang là một yêu cầu bức thiết của quá trình CNH, HĐH. Nền sản xuất hiện đại đòi hỏi những KT viên vừa phải có kiến thức KT trình độ CĐ hoặc ĐH, vừa có kỹ năng thành thạo để có thể chỉ đạo, kiểm tra công việc của công nhân cũng như điều hành các công nghệ sản xuất phức tạp. Do vậy, trong những thập kỷ gần đây ở nhiều nước đã xuất hiện nhu cầu đào tạo một loại hình KT viên với mô hình mới được gọi là KT viên cấp cao hoặc kỹ sư thực hành. Như vậy, đào tạo KT viên trung cấp cũng được liên thông với trình độ CĐ và ĐH.

Khái niệm liên thông ngang được hiểu là sự chuyển đổi từ một ngành, nghề đào tạo này sang một ngành, nghề đào tạo khác mà không phải học lại những điều đã học. Đó là sự tiếp nối từ chương trình đào tạo một ngành, nghề này với chương trình đào tạo một ngành, nghề khác với sự liên thông giữa các môn học/học phần với nhau.

Trong GDPT, sự chuyển đổi từ ban này sang ban khác, từ loại hình trường này sang loại hình trường khác cần được tiếp nối, liên thông giữa các môn học để học sinh không phải học lại từ đầu những điều đã học.

Trong đào tạo, ngày nay dưới tác động của khoa học và công nghệ (KH - CN) hoặc điều kiện KT - XH, nhiều người lao động phải chuyển đổi nghề, phải bỏ nghề cũ để học lại một ngành, nghề khác. Sự liên thông ngang sẽ tạo thuận lợi cho người lao động chuyển đổi nghề mà không phải học lại từ đầu một chương trình đào tạo mới.

Ngày nay cũng không ít trường hợp HS - SV muốn học hai ngành, nghề cùng một lúc. Sự liên thông ngang tạo thuận lợi cho người học có thể rút ngắn thời gian học nghề thứ hai.

Như vậy, liên thông trong giáo dục là phương thức đào tạo có tính ưu việt cao. Một mặt bảo đảm phát triển nguồn nhân lực một cách phù hợp với nhu cầu của xã hội. Mặt khác, nâng cao được tính kinh tế trong đào tạo và tạo điều kiện thuận lợi cho HS - SV và người lao động có thể không ngừng nâng cao trình độ nghề nghiệp, hoặc chuyển đổi nghề mà không phải học lại những điều đã học. Tuy nhiên, để đào tạo liên thông, liên thông ngang cũng như liên thông dọc, một vấn đề thiết yếu là phải xây dựng lại toàn bộ chương trình đào tạo liên thông giữa các ngành, nghề và trình độ theo mô đun và học phần liên thông. Bên cạnh đó, cần tổ chức quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ.

Khái niệm liên thông giữa GDPT và GDNN được hiểu là sự giao thoa, sự thâm nhập vào nhau giữa 2 phân hệ của hệ thống giáo dục quốc dân là GDPT và GDNN. Nói một cách khác, trong GDPT có dạy nghề và trong GDNN có dạy văn hoá phổ thông.

Liên thông giữa trung học cơ sở (THCS) với TCCN và trung học nghề. THCS là "cấp cơ sở của bậc trung học", mang tính liên thông với TCCN và trung học nghề không chỉ với ý nghĩa thông thường mà nó tạo nền tảng cơ sở cho các trường TCCN, trung học nghề sẽ tiếp tục phát triển theo mục tiêu đào tạo của mình. TH là "cầu nối giữa bậc tiểu học và trung học". THCS liên thông với TCCN, trung học nghề với tính chất tạo nền tảng cơ sở, đồng thời còn với tính tiếp nối giữa hai bậc học, tiếp nhận những thành tựu của giáo dục tiểu học, trên cơ sở đó thực hiện nhiệm vụ của mình, xây dựng những bước đầu của giáo dục trung học (GDTH), những bước cơ sở tạo nên cho sự phát triển theo định hướng THCS, TCCN và trung học nghề. THCS có nhiệm vụ cung cấp nguồn lực cho TCCN và trung học nghề, trên cơ sở đó, TCCN, trung học nghề thực hiện nhiệm vụ giáo dục của mình. Nếu THCS chuẩn bị tốt cho H học sinh S, giúp các em xác định đúng con đường thích hợp với mình, thì việc đào tạo ở TCCN, trung học nghề mới đáp ứng được yêu cầu: phát triển con người và phát triển KT - XH.

Dạy văn hoá trong các cơ sở GDNN: Trong thời đại ngày nay, với một xã hội công nghiệp văn minh và hiện đại, kiến thức văn hoá đã trở nên vô cùng

quan trọng và là cơ sở cho sự phát triển của mỗi con người, trong đó có phát triển nghề nghiệp. Dưới tác động của KH - CN, để sử dụng các phương tiện sản xuất hiện đại, người công nhân kỹ thuật phải có trình độ văn hoá tối thiểu là THCS, với những nghề KT cao, công nhân kỹ thuật phải có trình độ văn hoá THPT. Bởi vậy, trong các chương trình đào tạo nghề thường có các chương trình bổ túc các môn học văn hoá phổ thông tùy thuộc vào lĩnh vực ngành nghề khác nhau.

Giáo dục KT và dạy nghề cho học sinh phổ thông. Trong một xã hội công nghiệp hiện đại, kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp đã trở thành rất "phổ thông" và không thể thiếu trong nhân cách, cũng như trong cuộc sống của mỗi con người.

Đối với đào tạo liên thông, hình thức giáo dục này ngày càng phát triển đáp ứng nhu cầu thực tiễn. Về mặt chính sách pháp lý, trong những năm qua, đào tạo liên thông được quy định cụ thể trong rất nhiều văn bản quy phạm. Theo Quyết định số 06/2008/QĐ-BGD&ĐT, đào tạo liên thông trình độ CĐ, ĐH: "Đào tạo liên thông là quá trình đào tạo cho phép sử dụng kết quả học tập đã có của người học để học tiếp ở trình độ cao hơn cùng ngành nghề hoặc khi chuyển sang ngành đào tạo, hình thức giáo dục và trình độ đào tạo khác".

Theo Thông tư số 08/2015/TT-BGD&ĐT ngày 21/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đào tạo liên thông trình độ CĐ, ĐH ban hành kèm theo Thông tư số 55/2012/TT-BGD&ĐT ngày 25/12/2012, đào tạo liên thông là biện pháp tổ chức đào tạo trong đó người học được sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở trình độ cao hơn cùng ngành đào tạo, hoặc khi chuyển sang ngành đào tạo hay trình độ đào tạo khác. Đào tạo liên thông được tổ chức theo hình thức chính quy hoặc vừa làm, vừa học.

Mục đích đào tạo liên thông là tạo cơ hội học tập cho người học và phát triển ngành, nghề phù hợp với nhu cầu xã hội, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả trong đào tạo và đảm bảo công bằng trong giáo dục.

Phân loại đào tạo liên thông: Cho đến nay, qua kinh nghiệm của các trường ĐH, CĐ của các nước trong khu vực, trên thế giới và qua kinh nghiệm một số trường CĐ và ĐH ở nước ta về thực hiện liên thông trong đào tạo có thể cho phép phân loại các hình thức đào tạo liên thông như sau:

Liên thông GDDH trong nước (Liên thông đào tạo giữa các trường CĐ, ĐH trong nước).

- Liên thông với GDDH ngoài nước (Liên thông đào tạo giữa các trường CĐ, ĐH ở nước ta với các trường CĐ, ĐH nước ngoài).

Liên thông dọc (liên thông giữa các cấp, bậc trình độ thấp lên trình độ cao và ngược lại).

Liên thông ngang (liên thông giữa các trường ĐH, các ngành, chuyên ngành khác nhau trong cùng một mức trình độ).

Đối với giáo dục, khái niệm nguồn nhân lực cũng là một khái niệm quen thuộc. Nguồn nhân lực là nguồn lực về con người của đất nước và là nguồn lực cơ bản của mỗi quốc gia.

Theo Từ điển thuật ngữ của Liên Xô (cũ): Nguồn nhân lực là toàn bộ những người lao động dưới dạng tích cực (đang lao động) và tiềm tàng (có khả năng lao động, nhưng chưa tham gia lao động).

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam: Nguồn nhân lực gồm những người đủ 15 tuổi trở lên có việc làm và những người trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động nhưng đang thất nghiệp, đang đi học, đang làm nội trợ trong gia đình, không có nhu cầu làm việc, những người thuộc các tình trạng khác như nghỉ hưu trước tuổi.

Như vậy, nguồn nhân lực là tổng thể tiềm năng lao động của con người trên các mặt số lượng, cơ cấu (ngành nghề và trình độ đào tạo, cơ cấu theo vùng miền, cơ cấu theo ngành kinh tế) và chất lượng, bao gồm phẩm chất và năng lực (trí lực, tâm lực, thể lực, kỹ năng nghề nghiệp) đáp ứng nhu cầu phát triển KT - XH trong phạm vi quốc gia, vùng lãnh thổ, địa phương hay ngành, và năng lực cạnh tranh trong phạm vi quốc gia và thị trường lao động quốc tế. Giống như nguồn lực vật chất, nguồn nhân lực là kết quả đầu tư trong quá khứ với mục đích tạo ra thu nhập trong tương lai. Tuy nhiên, khác với các nguồn lực vật chất khác, nguồn nhân lực là con người lao động có nhân cách (có tri thức, kỹ năng nghề nghiệp và hoạt động xã hội, có phẩm chất tâm lý như động cơ, thái độ ứng xử với các tình huống trong cuộc sống), có khả năng tích lũy kinh nghiệm nghề nghiệp và vốn sống. Vì vậy, con người được gọi là "nguồn nhân lực", là vốn quý nhất của đất nước.

Phát triển nguồn nhân lực là một thuật ngữ rất quen thuộc và thường được dùng trong giao tiếp cũng như trong nhiều văn kiện. Tuy nhiên, đây là một thuật ngữ chưa có một định nghĩa thống nhất và thường được hiểu với nhiều khái niệm khác nhau.

Theo UNESCO và một số nhà kinh tế thì phát triển nguồn nhân lực được hiểu theo nghĩa hẹp là sự phát triển kỹ năng lao động và sự đáp ứng với yêu cầu của việc làm. Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) lại cho rằng, phải hiểu phát triển nguồn nhân lực theo nghĩa rộng hơn, không chỉ là lành nghề của dân cư hoặc bao gồm cả vấn đề đào tạo nói chung mà còn là phát triển năng lực đó của con người để tiến tới có được việc làm hiệu quả, cũng như thoả mãn nghề nghiệp và cuộc sống cá nhân. Liên Hiệp Quốc sử dụng khái niệm phát triển nguồn nhân lực theo nghĩa rộng hơn, tức là bao gồm cả giáo dục, đào tạo nghề nghiệp và sử dụng tiềm năng con người nhằm thúc đẩy phát triển KT - XH và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Con người có một năng lực tiềm ẩn to lớn, khi được phát triển và sử dụng, khai thác một cách đúng đắn thì tiềm năng đó được phát huy và con người trở thành động lực cho sự phát triển KT - XH. Con người được gọi là "nguồn nhân lực", là vốn quý nhất của đất nước. Con người vừa là một cá thể, vừa là một tập thể. Do vậy, phát triển nguồn nhân lực trước hết là phát triển cá thể mỗi con người để họ có thể phát triển tối đa được năng lực của mình và cống hiến được nhiều cho xã hội. Bên cạnh đó, con người tồn tại và hoạt động trong một tập thể, một xã hội trong mối quan hệ gắn bó với nhau. Chính vì vậy, tập thể con người cần được phát triển một cách cân đối, hài hoà, đồng bộ để cùng nhau chung sống một cách hữu ích và lao động có hiệu quả trong sự phát triển chung của cộng đồng cũng như để hội nhập quốc tế.

Xét về mặt cá thể, con người vừa là một sinh thể, vừa là một nhân cách. Do vậy, phát triển nguồn nhân lực cần phát triển cả nhân cách lẫn sinh thể của mỗi con người. Phát triển nhân cách là nhiệm vụ của GD&ĐT, đó là quá trình trang bị và hoàn thiện dần các kiến thức, kỹ năng và thái độ cho mỗi thành viên của xã hội để họ trở thành một công dân tích cực của đất nước, đồng thời là người lao động hữu ích cho xã hội. Bên cạnh đó, con người cần được phát triển về mặt thể lực, có đầy đủ sức khoẻ để có thể sống một cách lạc quan và lao động với năng suất cao, chất lượng tốt.

Cũng như mọi nguồn tài nguyên khác, nguồn nhân lực chỉ thực sự có giá trị khi nó được khai thác và sử dụng một cách có hiệu quả. Do đó khái niệm về phát triển nguồn nhân lực còn bao gồm cả việc sử dụng nhân lực một cách đúng đắn và có hiệu quả. Mặt khác, mỗi người đều sống và lao động trong một môi trường xã hội và môi trường thiên nhiên luôn biến đổi. Sự biến đổi này có thể theo chiều hướng tốt hơn, thuận lợi hơn cho sự phát triển của con người, như tạo lập được một xã hội phát triển bền vững, có việc làm, thu nhập cao, trật tự an toàn xã hội bảo đảm, môi trường thiên nhiên được bảo vệ..., nhưng cũng có thể xấu đi như nạn đói, nạn dịch, tai nạn giao thông, ô nhiễm môi trường, mất an toàn xã hội, thiếu việc làm... Vì vậy, phát triển nguồn nhân lực cần phải quan tâm đến cả việc tạo lập và gìn giữ một môi trường xã hội và môi trường thiên nhiên thuận lợi cho nhân lực phát triển.

Xét về mặt tập thể, nhân lực của một đất nước chỉ thực sự phát huy được tác dụng khi đội ngũ nhân lực của quốc gia được phát triển và phân bổ một cách hợp lý, đồng bộ, phù hợp với nhu cầu của xã hội để một mặt mỗi cá thể con người được phát triển và được sử dụng một cách có hiệu quả; mặt khác, đội ngũ nhân lực đáp ứng được các mục tiêu phát triển KT - XH của đất nước trong từng giai đoạn phát triển. Bởi vậy, để phát triển nguồn nhân lực cần phải xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực quốc gia, cũng như của từng vùng, từng địa phương. Trên cơ sở đó xây dựng quy hoạch đào tạo và sử dụng nhân lực phù hợp với nhu cầu để phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển KT - XH và nhu cầu của con người trong từng địa phương, từng vùng miền, cũng như của cả nước trong từng giai đoạn phát triển. Để làm được điều này, một vấn đề quan trọng là cần hướng nghiệp và phân luồng học sinh phổ thông để các em có thể chọn được nghề nghiệp tương lai một cách đúng đắn và có thể phát huy cao độ được năng lực của mình để cống hiến được nhiều cho xã hội.

Như vậy, khái niệm phát triển nguồn nhân lực có thể được hiểu là "Phát triển nhân cách, phát triển sinh thể/thể lực, quy hoạch đào tạo sử dụng hợp lý nhân lực, đồng thời tạo dựng một môi trường xã hội thuận lợi, gìn giữ môi trường sinh thái bền vững cho con người phát triển, để cùng nhau lao động và chung sống, nhằm mục tiêu phục vụ cho sự phát triển bền vững của xã hội và phục vụ cho con người".

Với khái niệm rộng hay hẹp về phát triển nguồn nhân lực thì GD&ĐT vẫn được coi là biện pháp chủ yếu và quan trọng để phát triển nguồn nhân lực.

Như vậy, có thể thấy rằng phân luồng giáo dục và đào tạo liên thông trong giáo dục có một ý nghĩa hết sức quan trọng trong hoạt động giáo dục, tạo điều kiện để chuyên sâu hóa năng lực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu lao động của xã hội phát triển, thực hiện mục tiêu học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập.



TTBD ĐBDC

